BẢN TIN THỊ TRƯỜNG
TÀI CHÍNH, TIỀN TỆ, NGOẠI HỐI

Tuần từ 05/02 – 16/02

PHÒNG KINH DOANH VỐN

1| Thị trường ngoại hối

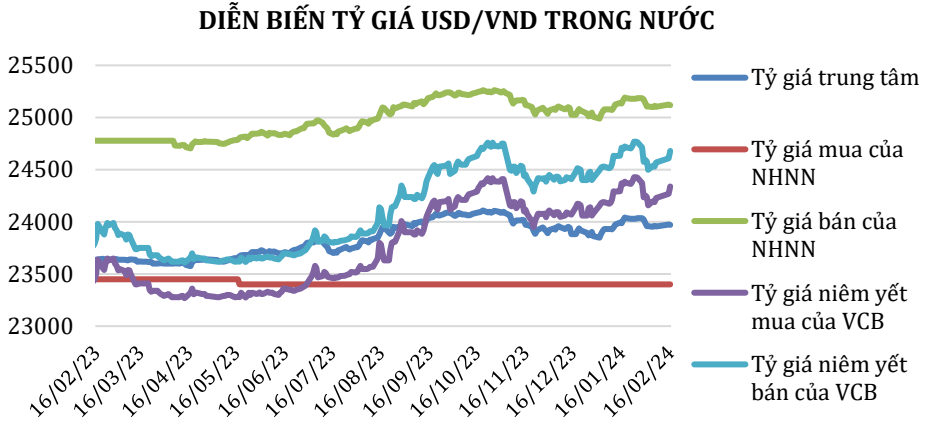

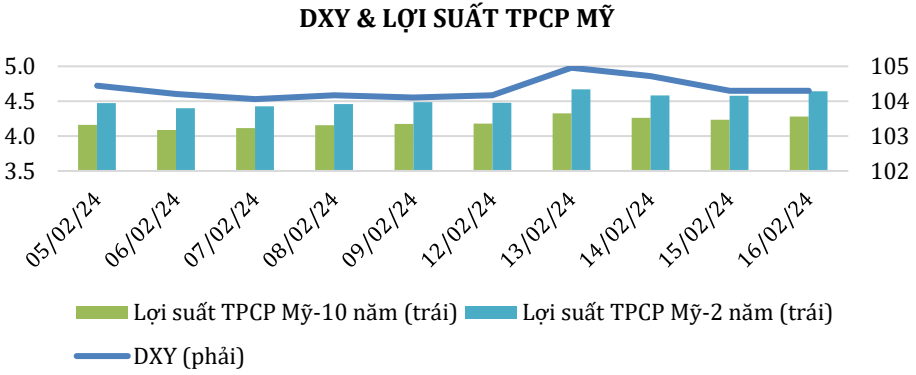

1, TIN TRONG NƯỚC

- Thị trường trong nước vừa trải qua kì nghỉ lễ Tết Nguyên Đán (08/02 – 14/02). Tỷ giá trung tâm (USD/VND) đóng cửa phiên ngày thứ 6 ở mức 23.971, tăng 12 đồng so với phiên ngày 02/02 và tăng 15 đồng so với phiên giao dịch cuối cùng trước kì nghỉ lễ (07/02). Tỷ giá bán giao ngay (USD/VND) của NHNN trong phiên ngày thứ 6 được niêm yết ở mức 25.119, tăng 13 đồng so với phiên ngày 02/02.
- Tỷ giá mua - bán chuyển khoản tại Vietcombank (USD/VND) trong phiên ngày thứ 6 ở mức 24.340 – 24.680, tăng 180 đồng ở cả chiều mua và chiều bán so với phiên ngày 02/02.
- Dự báo: Tuần sau, tỷ giá niêm yết USD/VND của VCB nhiều khả năng tăng dần, trong bối cảnh thị trường Việt Nam sôi động trở lại sau kì nghỉ lễ và nhu cầu USD của khách hàng dự kiến ở mức cao.

2, TIN QUỐC TẾ

a) Mỹ

- Chỉ số DXY tăng 0,37% so với phiên ngày 02/02 (từ mức 103,92 lên mức 104,30), khi lạm phát Mỹ chưa hạ nhiệt, củng cố khả năng FED sẽ chưa cắt giảm lãi suất vào cuộc họp tháng 3. Cụ thể: CPI Mỹ trong tháng 1/2024 tăng 0,3% so với tháng 12/2023 và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức kì vọng tương ứng là 0,2% và 2,9%.
- Tin kinh tế: Trong tháng 1
  - ➢ Doanh số bán lẻ của Mỹ giảm 0,8% so với tháng 12/2023, thấp hơn mức giảm dự báo 0,2% (MoM).
  - ➢ Sản lượng công nghiệp giảm 0,1% so với tháng 12/2023, không đạt được mức tăng dự báo 0,2% (MoM).
  - ➢ PMI dịch vụ và PMI tổng hợp đạt mức 52,5 và 52,0, lần lượt thấp hơn các mức kỳ vọng 52,9 và 52,3.

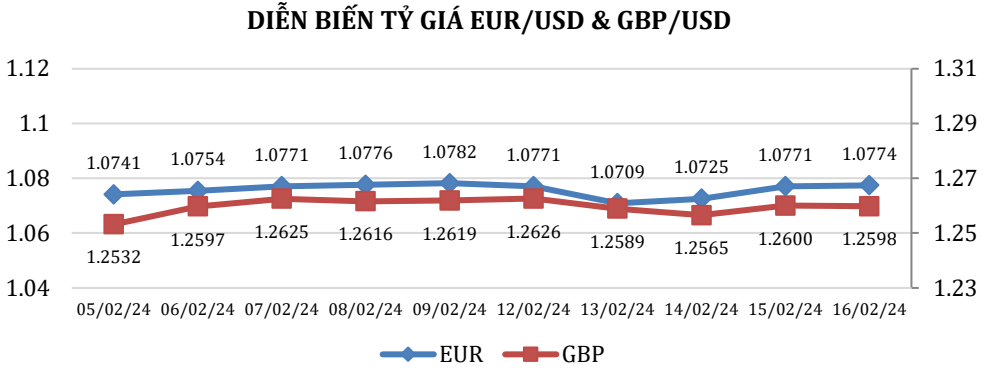

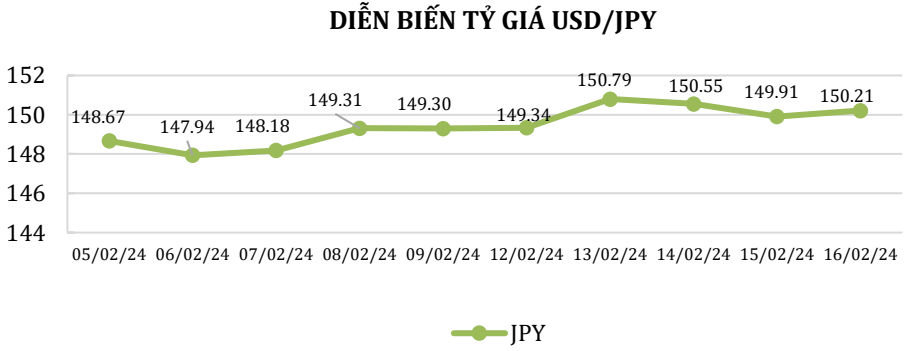

b) Châu Âu

- Tỷ giá EUR/USD giảm 0,10% so với phiên ngày 02/02 (từ mức 1,0784 xuống mức 1,0774), mặc dù nền kinh tế EU có dấu hiệu phục hồi. Cụ thể, GDP Quý 4/2023 của EU tăng trưởng 0,1% so với cùng kỳ năm trước, tốt hơn mức +0,0% (YoY) của Quý 3/2023. Bên cạnh đó, sản lượng công nghiệp tháng 12/2023 của EU tăng 2,6% so với tháng trước đó, vượt mức dự báo -0,2% (MoM).

c) Anh

- Tỷ giá GBP/USD giảm 0,25% so với phiên ngày 02/02 (từ mức 1,2630 xuống mức 1,2598), mặc dù nền kinh tế Anh có nhiều dấu hiệu tích cực. Cụ thể, trong tháng 12/2023: tăng trưởng GDP, sản lượng công nghiệp, sản lượng sản xuất và cán cân thương mại của Anh đều vượt mức kỳ vọng. Bên cạnh đó, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp của Anh trong tháng 1/2024 lần lượt cao hơn các mức của tháng 12/2023.

d) Nhật Bản

- Tỷ giá USD/JPY tăng 1,24% so với phiên ngày 02/02 (từ mức 148,37 lên mức 150,21), nguyên nhân chủ yếu do sự tăng giá của đồng USD, mặc dù GDP sơ bộ Quý 4/2023 của Nhật Bản giảm 0,1% so với Quý 3/2023, không đạt được mức kỳ vọng +0,2% (QoQ).

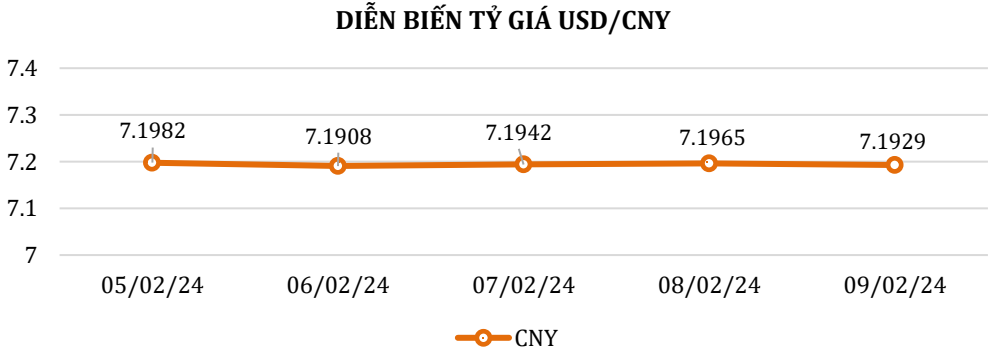

e) Trung Quốc

- Tỷ giá USD/CNY tại phiên giao dịch cuối cùng trước kì nghỉ lễ (09/02) tăng 0,01% so với phiên ngày 02/02 (từ mức 7,1920 lên mức 7,1929), trong bối cảnh lạm phát của Trung Quốc hạ nhiệt. Cụ thể, CPI tháng 1/2024 giảm 0,8% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn mức -0,3% (YoY) của tháng 12/2023 và mức dự báo -0,5% (YoY).

** 10/02 – 18/02/2024: Trung Quốc nghỉ lễ Tết Nguyên Đán.*

Một số sự kiện đáng chú ý diễn ra trong tuần tới (19/02/2024 – 23/02/2024):

- **19/02/2024:** Thị trường Mỹ đóng cửa nghỉ lễ Sinh nhật Washington.
- **20/02/2024:** Nhật Bản công bố dữ liệu hàng hoá xuất khẩu và cán cân thương mại tháng 1/2024.
- **22/02/2024:**
  - Nhật Bản công bố PMI dịch vụ sơ bộ tháng 2/2024.
  - EU công bố CPI tháng 1/2024; PMI sản xuất, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp sơ bộ tháng 2/2024.
  - Anh công bố PMI sản xuất, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp sơ bộ tháng 2/2024.
  - Mỹ công bố doanh số bán nhà hiện tại tháng 1/2024; PMI sản xuất, PMI dịch vụ và PMI tổng hợp sơ bộ tháng 2/2024.
- **23/02/2024:** Thị trường Nhật Bản đóng cửa nghỉ lễ Sinh nhật Thiên Hoàng.

2| Thị trường tiền tệ trong nước

Hình thức GD	Kỳ hạn (ngày)	Khối lượng (tỷ VND)		Chênh lệch
		05/02 – 16/02/2024	29/01 – 02/02/2024	
OMO reverse repo (1)	7	0	2	-2
	14	0	0	0
Tín phiếu (2)	7	0	0	0
	28	0	0	0
Đến hạn Tín phiếu (3)		0	0	0
Đến hạn OMO (4)		0	0	0
Chênh lệch (5) = (1)-(2)+(3)-(4)		0	2	

Diễn biến thị trường:

- Trong tuần trước Tết (05 – 07/02/2024), lãi suất kỳ hạn dưới 1M tiếp tục tăng khi nhiều TCTD có nhu cầu lấy nguồn vào thời điểm sát Tết. Theo đó, lãi suất tại các kỳ hạn ON – 1W giao dịch trung bình ở mức 2,6 – 2,7%/năm. Lãi suất tại các kỳ hạn dài 1M – 3M giao dịch quanh mức 2,5 – 2,8%/năm.
- Tuy nhiên vào tuần sau Tết (15 – 16/02/2024), lãi suất ở hầu hết các kỳ hạn quay trở lại giảm. Theo đó, kỳ hạn ON – 1W giao dịch ở mức 1,2 – 1,5%/năm. Kỳ hạn 1M – 3M giao dịch ở mức 2 – 2,8%/năm.
- Kênh OMO được NHNN chào kỳ hạn 7 ngày và 14 ngày với lãi suất 4%/năm nhưng không có TCTD nào tham gia đấu thầu.

Dự báo:

- Dự kiến trong tuần tới, mặt bằng lãi suất kỳ hạn ngắn trên thị trường LNH sẽ duy trì ở quanh mức hiện tại.

3| Thị trường trái phiếu

Thị trường sơ cấp

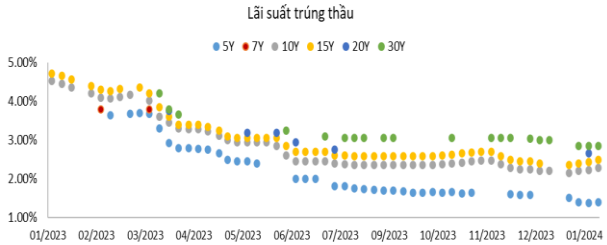

Tuần qua, KBNN phát hành thành công 7.670 tỷ VND trong số 8.000 tỷ VND gọi thầu ở các kỳ hạn 5-10-15-20 năm. Lợi suất trúng thầu kỳ hạn 5 năm, 10 năm và 15 năm tăng 1bp, trong khi đó kỳ hạn 20 năm không thay đổi.

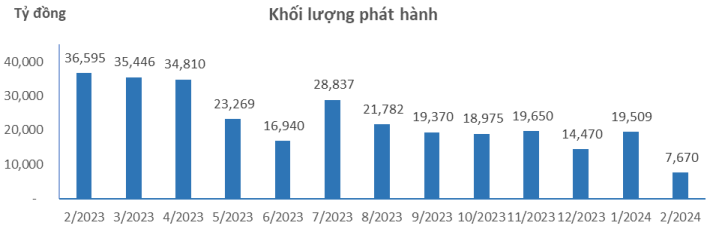

Thị trường thứ cấp

Thị trường thứ cấp có tuần giao dịch khá trầm lắng trước Tết Nguyên đán. Lực cầu từ một số TCTD xuất hiện trong những ngày sau kỳ nghỉ Tết khiến thị trường sôi động trở lại. Mặt bằng lợi suất các kỳ hạn không có biến động đáng kể.

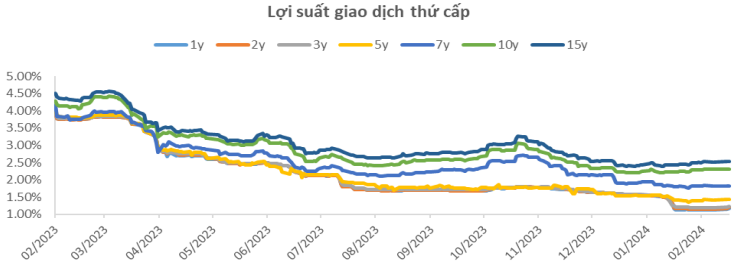

Dự báo:

Tuần tới – từ 19/02/2024, dự kiến mặt bằng lợi suất TPCP biến động trong biên độ từ 1-5bps.

1-3 năm: 0,80 – 1,30%/năm; 5 năm: 1,38 – 1,45%/năm;

7 năm: 1,77 – 1,84%/năm; 10 năm: 2,27 – 2,35%/năm;

15 năm: 2,47 – 2,55%/năm.

4| Thị trường hàng hóa

- Nhóm hàng Cà phê:

+ Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3 (KCH24) tăng 1,55 USD (+0,82%) trong phiên giao dịch thứ Sáu và cà phê Robusta kỳ hạn tháng 3 (LRCH24) tăng 26 USD (+0,81%).

+ Mưa ít tại Brazil đang hỗ trợ giá cà phê Arabica. Somar Meteorologia cho biết vào thứ Hai tuần trước, lượng mưa tại bang Minas Gerais của Brazil chỉ đạt 30,9 mm trong tuần qua, tương đương 49% so với mức trung bình lịch sử. Minas Gerais chiếm khoảng 30% sản lượng cà phê Arabica của Brazil.

+ Giá cà phê Robusta cũng được hỗ trợ sau khi lượng tồn kho cà phê Robusta do Sở Giao dịch Hàng hóa Mỹ (ICE) theo dõi giảm xuống mức thấp kỷ lục là 2009 lô theo thông báo vào thứ Sáu. Tồn kho cà phê Arabica do ICE theo dõi đã giảm xuống mức thấp nhất trong 24 năm là 224.066 bao vào ngày 30 tháng 11, mặc dù phục hồi vừa phải lên mức cao nhất trong 3 tháng là 307.262 bao vào thứ sáu tuần trước.

Nông sản	Mã	02/02/2024	16/02/2024	% thay đổi
Cà phê Robusta	LRCH24	3237	3231	**-0,19%**
Cà phê Arabica	KCEH24	191,95	190,85	**-0,57%**
Ngô	ZCEH24	442,75	416,50	**-5,93%**
Đậu tương	ZSEH24	1188,50	1172,25	**-1,37%**
Lúa mì	ZWAH24	599,75	560,50	**-6,54%**
Bông	CTEH24	87,11	93,87	**+7,76%**
Đường	SBEH24	23,89	23,08	**-3,39%**

- Nhóm hàng Ngũ cốc:

+ Hội thảo USDA Ag Outlook Forum 2024 đã diễn ra và các dự đoán đầu tiên về niên vụ 24/25 của Mỹ đã được công bố. Diện tích trồng ngô năm nay dự kiến đạt 91 triệu mẫu, giảm 3,8% so với năm ngoái. Tuy nhiên, năng suất được dự báo sẽ đạt 181 giạ/mẫu, tăng 2,1% so với năm ngoái. Điều này dẫn đến sản lượng ngô năm nay của Mỹ có thể lên tới 15,04 tỷ giạ, tăng gần 10% so với năm 2023, trong khi tồn kho ngô cuối niên vụ 24/25 dự kiến tăng 16,6% so với niên vụ 23/24. Triển vọng về một vụ mùa bội thu trong năm nay tại Mỹ đã gây áp lực lớn lên giá ngô CBOT. Báo cáo Bán hàng Xuất khẩu (Export Sales) cho thấy, Mỹ đã bán 1,31 triệu tấn ngô trong tuần 2 - 8/2, tăng 7,2% so với một tuần trước.

+ Theo dữ liệu của hội thảo Ag Forum 2024, diện tích trồng lúa mì năm nay của Mỹ dự kiến đạt 47 triệu mẫu, giảm 5,2% so với năm 2023. Tuy nhiên, sản lượng lúa mì dự kiến tăng 4,9% so với năm ngoái và đạt 1,9 tỷ giạ, do năng suất được dự báo sẽ tăng tới 10,7% lên mức 40,4 giạ/mẫu. Bên cạnh đó, báo cáo Export Sales cho thấy Mỹ bán được 349.286 tấn lúa mì trong tuần 2 - 8/2, giảm 7,7% so với một tuần trước. Điều đó phản ánh nhu cầu quốc tế đối với lúa mì Mỹ tiếp tục suy yếu.

- Nhóm hàng Nông sản khác:

+ Giá kỳ hạn tương lai bông giảm từ 74 đến 90 điểm vào thứ Sáu. Hợp đồng tháng 3 vẫn tăng 209 điểm trong tuần, đạt mức giá cao nhất kể từ khi hợp đồng tháng 5 đạt đỉnh 96,97 cent. Hợp đồng tháng 12 kết thúc tuần với mức tăng ròng 86 điểm. Báo cáo thị trường bông hàng tuần của USDA cho thấy 26.614 kiện bông được bán trong tuần, với giá trung bình 88,52 cent/lb. Chỉ số Cotlook A vượt qua mốc 1 đô la với mức tăng 195 điểm vào ngày 15/2, lên mức 101,45 cent/lb. Giá bình quân toàn ngành (AWP) cập nhật được niêm yết ở mức 73,44, tăng thêm 340 điểm trong tuần. Tồn kho được chứng nhận của ICE vẫn ở mức 999 kiện vào ngày 15/2.

Kim loại và Năng lượng	Mã	02/02/2024	16/02/2024	% thay đổi
Đồng COMEX	CPEH24	3,8215	3,8385	**+0,44%**
Đồng LME	CAD	8482,0	8489,0	**+0,08%**
Nhôm LME	AHD	2233,5	2218,0	**-0,69%**
Quặng sắt SGX	FEFH24	126,28	131,27	**+3,95%**
Dầu thô WTI	CLEH24	72,28	79,19	**+9,56%**
Dầu thô Brent	QOH24	77,33	83,47	**+7,94%**

- Nhóm hàng Kim loại

+ Giá đồng COMEX bật tăng 4,26% lên 3,83 USD/pound sau hai tuần giảm giá liên tiếp. Quặng sắt tăng 3,67% lên 131,27 USD/tấn. Đà tăng giá của các mặt hàng kim loại cơ bản chủ yếu đến từ kỳ vọng từ nền kinh tế Trung Quốc sẽ sớm có các tín hiệu tích cực nhờ biện pháp kích thích kinh tế của Chính phủ sau kỳ nghỉ Lễ. Hơn nữa, thông thường hoạt động xây dựng cao điểm sẽ bắt đầu từ tháng 3, do đó nhiều nhà máy có xu hướng gia tăng sản xuất, tăng cường tích trữ nhằm phục vụ bán hàng. Điều này cũng góp phần cải thiện triển vọng tiêu thụ tại Trung Quốc.

- Nhóm hàng Năng lượng:

+ Hãng tin Reuters cho biết cuộc đàm phán giữa Mỹ, Ai Cập, Qatar và Israel về thỏa thuận ngừng bắn ở Gaza đã kết thúc mà không có tiến triển. Thậm chí, lãnh đạo Hezbollah cho rằng cuộc chiến chống lại Israel sẽ còn leo thang hơn nữa.

+ Tại Biển Đỏ, mối đe dọa với các tàu vận chuyển hàng hóa vẫn hiện hữu trước sự quấy rối của lực lượng Houthi. Cơ quan Điều hành Thương mại Hàng hải Vương quốc Anh (UKMTO) đã nhận được báo cáo về một con tàu bị trúng tên lửa ở phía nam Al Mukha của Yemen. Bộ Ngoại giao Mỹ cho biết tàu chở dầu thô M/T Pollux treo cờ Panama đang trên đường đến Ấn Độ cũng gặp sự cố tương tự. Bất ổn địa chính trị còn tiếp diễn, tiềm ẩn rủi ro gián đoạn nguồn cung, là chất xúc tác chính hỗ trợ giá dầu.

+ Nguồn cung từ Mỹ có dấu hiệu thắt chặt cũng là động lực thúc đẩy đà tăng của giá trong tuần qua. Theo Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA), sản lượng dầu thô từ 7 lưu vực đá phiến của Mỹ dự kiến sẽ tăng 0,2% so với tháng trước lên 9,72 triệu thùng/ngày vào tháng 3, giảm tốc so với mức tăng trưởng trung bình hàng tháng của năm ngoái là khoảng 0,9%. Trong khi đó, số liệu từ hãng dịch vụ dầu khí Baker Hughes cho thấy số lượng giàn khoan dầu của Mỹ trong tuần kết thúc vào ngày 16/2 đã giảm 2 giàn xuống 497 giàn. Điều này có thể làm tăng mức độ thâm hụt của thị trường trong bối cảnh Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ và đồng minh (OPEC+) thực hiện cắt giảm sản lượng.

+ Thêm vào yếu tố hỗ trợ giá, xuất khẩu dầu thô bằng đường biển của Nga đã giảm trở lại sau khi ghi nhận mức cao nhất trong 7 tháng. Cụ thể, lưu lượng xuất khẩu hàng tuần của nước này đã giảm khoảng 290.000 thùng/ngày xuống 3,49 triệu thùng/ngày trong tuần tính đến ngày 11/2. Thông lượng lọc dầu của nước này cũng ghi nhận mức suy giảm 4% trong hai tuần đầu tiên của tháng 2, so với mức trung bình của tháng 1 và giảm 8,6% so với cùng kỳ năm ngoái.

Ở một diễn biến đáng chú ý khác, giá khí tự nhiên lao dốc hơn 12% xuống mức thấp nhất kể từ tháng 7/2020, do tồn kho giảm ít hơn dự kiến và dự báo thời tiết ấm hơn hạn chế nhu cầu sưởi ấm. EIA cho biết tồn kho khí tự nhiên của Mỹ trong tuần kết thúc vào ngày 9/2 giảm 49 tỷ feet khối (bcf), giảm ít hơn so với dự báo giảm 68 bcf của giới phân tích và mức giảm 117 bcf trong cùng kỳ năm ngoái, đồng thời so với mức giảm 119 bcf trong trung bình 5 năm.

Lưu ý sử dụng thông tin

Tài liệu này chỉ phục vụ mục đích tham khảo, VCB không chịu trách nhiệm về bất kỳ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng thông tin trên đây, Các thông tin trong tài liệu này có thể thay đổi theo diễn biến của thị trường và VCB không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này, Tài liệu này là sản phẩm và tài sản của VCB, Các hành vi sao chép sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của VCB đều là trái luật,

Thông tin liên hệ: Phòng Kinh doanh vốn – Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Tầng 6 Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84 - 4 - 3934 3137 (0348, 0306)
Reuters code: VCBH
Email: kdv@vietcombank.com.vn